

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07 /NQ-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 09 năm 2024

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
V/v điều chỉnh loại chứng khoán cho người sở hữu

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng;

- Căn cứ Thư lấy ý kiến HĐQT số 87/TLYK-HĐQT ngày 30/09/2024;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc điều chỉnh loại chứng khoán trước thời hạn cho 18 Cán bộ Công nhân viên thuộc đối tượng nghỉ việc theo Cơ chế khuyến khích người lao động nghỉ trước tuổi tại Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng như sau:

(Danh sách đính kèm).

Điều 2. Giao Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện các nội dung tại Điều 1 theo trình tự đúng với các quy định hiện hành.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐQT, BKS, Ban TCKT;
- Ban TT-CD, Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



HÒ HƯƠNG



Danh sách cổ đông sở hữu chứng khoán ưu đãi chưa đến thời hạn tự do chuyển nhượng nhưng nghỉ Cơ chế khuyến khích người lao động nghỉ trước tuổi

(Đính kèm Nghị quyết số: 07/NQ-HĐQT ngày 30/9/2024)

Stt	Họ tên	Số ĐKSH	Ngày cấp	Thời gian hạn chế chuyển nhượng	Ngày hết hạn	CK đang sở hữu		CK đề nghị điều chỉnh		CK còn lại		Số TK Lưu ký (*)	Nơi mở (*)	Ghi chú
						Loại CK	Số lượng	Loại CK	Số lượng	Loại CK	Số lượng			
1	LÊ THỊ THANH HÀ			Từ 01/11/2016 đến 31/10/2024	31/10/2024	2	4.000	1	4.000	2	0			(**)
2	NGUYỄN VĂN MÂN			Từ 01/11/2016 đến 31/10/2024	31/10/2024	2	4.000	1	4.000	2	0			(**)
3	TRỊNH VĂN NHƯ			Từ 01/11/2016 đến 31/10/2024	31/10/2024	2	4.000	1	4.000	2	0			(**)
4	NGUYỄN THỊ THUY VÂN			Từ 01/11/2016 đến 31/10/2026	31/10/2026	2	5.000	1	5.000	2	0			(**)
5	NGUYỄN THANH THỐNG			Từ 01/11/2016 đến 31/10/2026	31/10/2026	2	5.000	1	5.000	2	0			(**)
6	ÔNG VĂN TÂN			Từ 01/11/2016 đến 31/10/2026	31/10/2026	2	5.000	1	5.000	2	0			(**)
7	TRẦN THỊ NGỌC TÂM			Từ 01/11/2016 đến 31/10/2025	31/10/2025	2	4.500	1	4.500	2	0			(**)
8	HỒ THỊ XUÂN KIỀU			Từ 01/11/2016 đến 31/10/2024	31/10/2024	2	4.000	1	4.000	2	0			(**)
9	DƯƠNG THỊ PHƯỢNG			Từ 01/11/2016 đến 31/10/2026	31/10/2026	2	5.000	1	5.000	2	0			(**)
10	TRẦN THỊ NGỌC OANH			Từ 01/11/2016 đến 31/10/2024	31/10/2024	2	4.000	1	4.000	2	0			(**)
11	NGÔ TẤT PHÚC			Từ 01/11/2016 đến 31/10/2024	31/10/2024	2	4.000	1	4.000	2	0			(**)
12	LÊ VĂN NAM			Từ 01/11/2016 đến 31/10/2026	31/10/2026	2	5.000	1	5.000	2	0			(**)
13	TÔN THẮT THANH			Từ 01/11/2016 đến 31/10/2025	31/10/2025	2	4.500	1	4.500	2	0			(**)
14	TRẦN THỊ HẠNH			Từ 01/11/2016 đến 31/10/2025	31/10/2025	2	4.500	1	4.500	2	0			(**)
15	HUỲNH NGỌC THÀNH			Từ 01/11/2016 đến 31/10/2025	31/10/2025	2	4.500	1	4.500	2	0			(**)
16	PHẠM VĂN UYÊN			Từ 01/11/2016 đến 31/10/2026	31/10/2026	2	5.000	1	5.000	2	0			(**)
17	NGUYỄN VĂN HÙNG			Từ 01/11/2016 đến 31/10/2024	31/10/2024	2	4.000	1	4.000	2	0			(**)
18	PHẠM THỊ ÁNH NGA			Từ 01/11/2016 đến 31/10/2026	31/10/2026	2	5.000	1	5.000	2	0			(**)
Tổng cộng							81.000		81.000					